

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYỀN MỘC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4580/QĐ-UBND

Xuyên Mộc, ngày 10 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt mức thu các khoản thu khác của các cơ sở giáo dục công lập cấp Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở từ năm 2019-2020 trên địa bàn huyện Xuyên Mộc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Công văn số 8027/UBND-VP, ngày 12 tháng 8 năm 2019 của UBND Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc thu và sử dụng các khoản thu khác của cơ sở giáo dục và đào tạo công lập từ năm 2019-2020 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Trên cơ sở Công văn số 1160/PTC-KH, ngày 27 tháng 12 năm 2019 về việc thống nhất mức thu và sử dụng các khoản thu khác của cơ sở giáo dục và đào tạo công lập từ năm học 2019-2020;

Xét Tờ trình số 09/TTr-PGDĐT, ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc Phê duyệt mức thu các khoản thu thoản thuận phục vụ từ năm học 2019-2020 đối với các cơ sở giáo dục công lập cấp Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở trên địa bàn huyện Xuyên Mộc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt mức thu các khoản thu khác của các trường Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở trên địa bàn huyện Xuyên Mộc từ năm học 2019 (theo danh mục đính kèm).

Điều 2. Trên cơ sở phương án phê duyệt mức thu tối đa đối với các khoản thu khác của UBND huyện Xuyên Mộc các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở xây dựng mức thu cụ thể để thực hiện trên cơ sở phương án thu – chi của từng trường phải được thông qua ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp và ban đại diện cha mẹ học sinh toàn trường thống nhất.

Các trường tổ chức và quản lý thu, chi theo đúng nguyên tắc tài chính. Ngoài các khoản thu đã được phê duyệt theo danh mục đính kèm Quyết định này các trường không được thu bất kỳ các khoản thu nào khác.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng các phòng: Giáo dục - Đào tạo; Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc Kho bạc huyện; Hiệu trưởng các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập trên địa bàn huyện Xuyên Mộc

và thủ trưởng các ban ngành, các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Thường trực HU, HĐND huyện;
- CT, Các PCT UBND huyện;
- Lưu VT. *phuc*

CHỦ TỊCH



Lê Thị Trang Đài

DANH MỤC CÁC KHOẢN THU THỎA THUẬN PHỤC VỤ TỪ NĂM HỌC 2019-2020 TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP CẤP HỌC MẦM NON, TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN XUYÊN MỘC

(kèm theo Quyết định số 1580 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2020 của UBND huyện Xuyên Mộc)

TT	Nội dung các khoản thu thỏa thuận phục vụ	Đơn vị tính	Mức thu tối đa	Ghi chú
I	Cấp học Mầm non			
1	Tiền ăn bán trú	đồng/trẻ/ngày	20.000	
2	Tiền vệ sinh bán trú	đồng/trẻ/năm học	100.000	
3	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	đồng/trẻ/năm học	100.000	
4	Tiền thuê dọn vệ sinh lớp học, vệ sinh khuôn viên trường học			
	- Trường có trên 400 học sinh	đồng/trẻ/tháng	10.000	
	- Trường có từ 201 - 400 học sinh	đồng/trẻ/tháng	15.000	
	- Trường có dưới 200 học sinh	đồng/trẻ/tháng	20.000	
	- Trường có dưới 200 học sinh và có thêm cơ sở phụ ngoài cơ sở chính	đồng/trẻ/tháng	23.000	
5	Tiền dạy môn bơi năng khiếu	đồng/trẻ/tháng	140.000	
I	Cấp học Tiểu học			
1	Tiền ăn bán trú	đồng/HS/ngày	20.000	
2	Tiền phục vụ bán trú	đồng/HS/tháng	100.000	
3	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	đồng/HS/năm học	100.000	
4	Tiền thuê dọn nhà vệ sinh của học sinh, dọn vệ sinh khuôn viên trường học	đồng/HS/năm học	120.000	
5	Tiền phù hiệu của học sinh	đồng/HS/cái	2.000	
6	Tiền giấy thi, giấy nháp, photo đề kiểm tra	đồng/HS/năm học	10.000	
7	Tiền sổ liên lạc điện tử	đồng/HS/năm học	80.000	
8	Tiền tổ chức chương trình kỹ năng sống	đồng/HS/tháng	60.000	
9	Tiền tổ chức chương trình ngoại khóa	đồng/HS/tháng	50.000	
I	Cấp học Trung học cơ sở			
1	Tiền thuê dọn nhà vệ sinh của học sinh	đồng/HS/năm học	100.000	
2	Tiền phù hiệu của học sinh	đồng/HS/cái	2.000	

TT	Nội dung các khoản thu thỏa thuận phục vụ	Đơn vị tính	Mức thu tối đa	Ghi chú
3	Tiền giấy thi, giấy nháp, photo đề kiểm tra	đồng/HS/năm học	60.000	
4	Tiền tổ chức dạy thêm môn văn hóa trong nhà trường	đồng/HS/tiết	6.000	
5	Tiền tổ chức dạy ngoại ngữ với giáo viên bản ngữ	đồng/HS/tiết	17.000	
6	Tiền sổ liên lạc điện tử	đồng/HS/năm học	80.000	
7	Tiền tổ chức chương trình kỹ năng sống	đồng/HS/tháng	60.000	
8	Tiền tổ chức chương trình ngoại khóa	đồng/HS/tháng	50.000	
9	Tiền trực an ninh công trường	đồng/HS/năm học	40.000	